

Số: 381 /QĐ-UBND

TP. Tuyên Quang, ngày 15 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch nâng cao năm 2016 áp dụng cho Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Tuyên Quang” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4 /2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc” vay vốn của Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Văn bản số 513/BXD-PTĐT ngày 18/3/2015 của Bộ Xây dựng về việc sở tay hướng dẫn thực hiện Chương trình đô thị miền núi phía Bắc (POM) điều chỉnh lần thứ nhất và chỉ số DLI3.1;

Căn cứ Quyết định số 1497/QĐ-UBND, ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Văn kiện “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Tuyên Quang” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Tuyên Quang” tại Tờ trình số 29 /TTr-BQLDA, ngày 14/12/2016 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch nâng cao năm 2016 áp dụng cho Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Tuyên Quang” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Biểu 2.3 kế hoạch nâng cao năm 2016 theo quy định của sở tay hướng dẫn thực hiện Chương trình áp dụng cho “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Tuyên Quang” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB).

(Kèm theo biểu chi tiết điều chỉnh kế hoạch nâng cao năm 2016)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan đơn vị; Ban quản lý dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Tuyên Quang”; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao năm 2016 theo quy định sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình áp dụng cho Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Tuyên Quang” vay vốn Ngân hàng Thế giới được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; định kỳ (tháng, quý, năm) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình, kết quả thực hiện các chỉ số giải ngân (DLI) theo quy định của sổ tay hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường; Chi Cục trưởng Chi Cục thuế, Trưởng phòng Giao dịch Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Giám đốc Ban quản lý dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Tuyên Quang”, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Bộ Xây dựng
- Ngân hàng Thế giới
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
- Đ/c Trần Ngọc Thực PCT UBND tỉnh (B/cáo);
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND thành phố
- Sở Tài chính
- Chủ tịch thành phố
- Các PCT UBND thành phố;
- PCVP HĐND và UBND theo dõi XDCB;
- Chuyên viên XD;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Quốc Chương

BIỂU 2.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số **381** /QĐ-UBND ngày **15** /12/2016 của UBND dân thành phố Tuyen Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Hạng mục đầu tư	Thời gian thực hiện dự án		Tổng mức đầu tư (khái toán ban đầu)	Tổng đầu tư (Theo TKCS đã được duyệt)	Trong đó:		Tổng mức đầu tư theo nguồn vốn được phân bổ							Kế hoạch năm 2016							
		Khởi công	Hoàn thành			Chi phí XD, Chi phí khác, chi phí dự phòng	Chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư	Tổng cộng	Vốn IDA (xây lắp)			Vốn đối ứng bồi thường GPMB				Tổng cộng	Vốn IDA (xây lắp)			Vốn đối ứng bồi thường GPMB, CPBQL		
									Cộng vốn IDA	Trong đó		Cộng vốn đối ứng	Trung ương hỗ trợ 90%	Địa phương cân đối 10%	Cộng vốn IDA		Trong đó		Cộng vốn đối ứng	Trong đó		
										Trung ương cấp phát 93%	Vay lại 7%						Trung ương hỗ trợ 90%	Vay lại 7%		Trung ương hỗ trợ 90%	Địa phương cân đối 10%	
1		3	4	5	6 = 7+8	7	8	9=10+13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=17+20	17= 18 +19	18	19	20=21 +22	21	22	
I	Hạng mục công trình hoàn thành năm A [2015]	2.015	2.015	20.384,7	20.184,5	17.657,3	2.527,2	18.975,0	16.145,0	15.014,9	1.130,2	2.830,0	2.547,0	283,0	4.283,8	1.813,0	1.686,1	126,9	2.470,8	2.223,7	247,1	
1	Khu LIA'S phường Minh Xuân	2.015	2.015	20.384,7	20.184,5	17.657,3	2.527,2	18.975,0	16.145,0	15.014,9	1.130,2	2.830,0	2.547,0	283,0	4.283,8	1.813,0	1.686,1	126,9	2.470,8	2.223,7	247,1	
II	Hạng mục công trình hoàn thành năm 2016			146.344,8	121.566,2	121.566,2	-	140.549,9	107.546,5	100.018,3	7.528,3	33.003,4	29.703,1	3.300,3	140.549,9	107.546,5	100.018,3	7.528,3	33.003,4	29.703,1	3.300,3	
1	Xây dựng trường mầm non An Tường	18/9/2015	30/11/2016	43.297,8	46.930,6	46.930,6		44.140,4	43.375,1	40.338,9	3.036,3	765,2	688,7	76,5	44.140,4	43.375,1	40.338,9	3.036,3	765,2	688,7	76,5	
2	Xây dựng trường mầm non Nông Tiến	18/9/2015	30/12/2016	14.145,6	14.836,3	14.836,3		13.404,1	13.113,7	12.195,8	918,0	290,4	261,3	29,0	13.404,1	13.113,7	12.195,8	918,0	290,4	261,3	29,0	
3	Cải tạo nâng cấp đường từ Trung tâm sát hạch đi Viên Châu (Giai đoạn 1)	29/12/2015	28/12/2016	53.392,5	31.231,5	31.231,5		33.164,7	26.445,1	24.593,9	1.851,2	6.719,6	6.047,6	672,0	33.164,7	26.445,1	24.593,9	1.851,2	6.719,6	6.047,6	672,0	
4	Cải tạo nâng cấp đường Lê Duẩn	29/12/2016	28/12/2016	35.508,9	28.567,8	28.567,8		49.840,8	24.612,6	22.889,7	1.722,9	25.228,2	22.705,4	2.522,8	49.840,8	24.612,6	22.889,7	1.722,9	25.228,2	22.705,4	2.522,8	
III	Kế hoạch khởi công năm 2016			163.140,6	-	118.768,1	-	101.601,4	101.601,4	94.489,3	7.112,1	27.127,6	24.411,6	2.716,0	24.455,3	15.240,2	14.173,4	1.066,8	9.215,1	8.293,6	921,5	
1	Cải tạo nâng cấp Hồ Trung Việt, phường An Tường	Quý IV năm 2016	2.019	163.140,6		118.768,1		101.601,4	101.601,4	94.489,3	7.112,1	27.127,6	24.411,6	2.716,0	24.455,3	15.240,2	14.173,4	1.066,8	9.215,1	8.293,6	921,5	
	Tổng cộng I+II+III:			329.870,1	141.750,7	257.991,6	2.527,2	261.126,4	225.292,9	209.522,4	15.770,5	62.961,1	56.661,7	6.299,3	169.289,1	124.599,7	115.877,7	8.722,0	44.689,3	40.220,4	4.468,9	